UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1021/QĐ-LTT-TTGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ I/2020-2021
Khóa: 2020 C1 – Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-LTT-TC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-LTT-KHTC ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKI/2020-2021;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ I năm học 2020-2021 ngày 09 tháng 7 năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra Giáo dục – Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề HKI/2020-2021 cho **73** sinh viên Khóa 2020 C1 – Cao đẳng, đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học nghề;

- Học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.04 và KQRL ≥ 90 = 02 SV;
- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = 29 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.52 và KQRL ≥ 70 = 30 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 và KQRL ≥ 90 = 12 SV;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5, không có môn học lại, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ I (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKI/2020-2021, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Xuất sắc = 550.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Giỏi = 475.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 300.000đ/tháng/SV;

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, cố vấn học tập và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c) ;
- Lưu: VT, P.TTGD.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Khóa 2020C1 - Cao đẳng
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2020-2021

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
										....	....	Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Võ Trần Thành	Đạt	20005835	20C1-ĐHĐ1	9,04	92	Xuất sắc	2.750.000	2.750.000				2.750.000	
2	Trần Lâm	Trường	20000294	20C1-LTM1	9,26	90	Xuất sắc	2.750.000	2.750.000				2.750.000	
	Cộng =	**2**											**5.500.000**	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: *Năm triệu năm trăm ngàn đồng*)

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
Lê Xuân Thiện	Nguyễn Kính	Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Khóa 2020C1 - Cao đẳng
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2020-2021

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
										....	....	Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Đoàn Văn	Tài	20005258	20C1-ĐCN2	8,05	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
2	Trần Phan Trọng	Nghĩa	20001922	20C1-ĐĐT1	8,68	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
3	Lê Minh	Khôi	20003380	20C1-TĐH1	8,53	96	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
4	Nguyễn Minh	Khôi	20003617	20C1-TĐH2	8,08	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
5	Lương Quang	Minh	20005867	20C1-TĐH2	8,48	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
6	Trương Văn	Quyền	20002256	20C1-CCK1	8,88	95	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
7	Lý Bảo	Việt	20002876	20C1-CCK1	8,38	90	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
8	Nguyễn Hồng	Khải	20000079	20C1-CTM1	8,60	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
9	Nguyễn Ngọc	Huy	20005862	20C1-CTM3	8,26	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
10	Đinh Ngọc Xuân	Mai	20003222	20C1-CNM1	8,36	88	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
11	Lê Thị Mỹ	Xuyên	20003130	20C1-CNM1	8,22	88	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
12	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	20002049	20C1-TKĐ1	8,78	87	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
13	Nguyễn Phi	Hoàng	20004861	20C1-TKĐ2	8,24	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
14	Đoàn Trọng	Kha	20005738	20C1-TKĐ2	9,52	85	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
15	Lê Duy	Khánh	20005141	20C1-TKĐ2	8,50	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
16	Nguyễn Thị Kim	Phương	20005386	20C1-TKĐ2	8,38	83	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
17	Lâm Văn	Cường	20005746	20C1-ĐHĐ1	8,44	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
18	Nguyễn Quang	Dũng	20005571	20C1-ĐHĐ1	8,72	91	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	

A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
19	Đỗ Khánh	Huyền	20005798	20C1-ĐHĐ1	8,02	97	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
20	Nguyễn Hoàng Vy	Anh	20001037	20C1-NNA1	8,35	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
21	Trần Phạm Gia	Bảo	20005797	20C1-NNA1	8,33	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
22	Phạm Đức	Duy	20001934	20C1-NNA1	8,53	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
23	Nguyễn Hải	Hà	20001380	20C1-NNA1	8,23	93	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
24	Nguyễn Văn	Hải	20005534	20C1-NNA1	8,83	98	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
25	Nguyễn Trung	Hiếu	20004878	20C1-NNA1	8,48	97	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
26	Lê Bảo	Lam	20001049	20C1-NNA1	8,90	89	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
27	Phạm Minh	Tân	20000699	20C1-NNA1	8,85	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
28	Phạm Minh	Tấn	20005859	20C1-NNA1	8,25	90	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
29	Phan Văn	Khương	20005034	20C1-QXD1	8,40	90	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
	Cộng =	**29**											**68.875.000**	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: *Sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*)

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng đơn vị**
Lê Xuân Thiện	**Nguyễn Kính**	**Phạm Hữu Lộc**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Khóa 2020C1 - Cao đẳng
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2020-2021

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
										....	....	Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Nguyễn Công	Dược	20001802	20C1-KXD1	9,10	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
2	Phạm Công	Niên	20002690	20C1-CNL1	8,83	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
3	Nguyễn Quách Tố	Như	20003267	20C1-TKW1	8,76	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
4	Lư Đình Sinh	Nhiệm	20004818	20C1-TKĐ2	8,74	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
5	Lê Minh Hải	Long	20002731	20C1-CNÔ4	8,49	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
6	Lê Văn	Luân	20002545	20C1-CCK1	8,38	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
7	Đỗ Thành	Thiện	20000189	20C1-TKĐ1	8,30	72	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
8	Trần Thị Như	Quỳnh	20003911	20C1-CNM1	8,28	79	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
9	Nguyễn Hoàng	Phúc	20000313	20C1-KTD1	8,25	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
10	Trần Thành	Đạt	20003090	20C1-CTM1	8,24	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
11	Trần Hoàng	Việt	20003127	20C1-TKĐ1	8,22	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
12	Huỳnh Thị Ngọc	Giàu	20003151	20C1-LGT1	8,20	79	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
13	Phạm Kim	Thơ	20000453	20C1-KTD1	8,20	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
14	Huỳnh Thị Minh	Huệ	20003471	20C1-KTD1	8,15	77	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
15	Lê Đào Thị Thùy	Linh	20003811	20C1-KTD1	8,15	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
16	Ngô Chế	Thông	20002817	20C1-CNÔ5	8,14	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
17	Võ Thị Thanh	Tuyền	20002649	20C1-CNM1	8,14	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
18	Phan Thanh	Phong	20005114	20C1-CCK5	8,12	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
19	Nguyễn Phạm Hồng	Lan	20004709	20C1-NNA1	8,08	77	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
20	Trịnh Thị Bích	Ngọc	20000437	20C1-NNA1	8,08	74	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	

A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
21	Lê Trung	Chiến	20003581	20C1-CCK2	8,06	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
22	Phan Hoàng	Hiếu	20005129	20C1-CNÔ14	8,06	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
23	Đậu Anh	Quốc	20004725	20C1-CNÔ14	8,05	72	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
24	Vũ Quốc	Hưng	20004284	20C1-QNH1	8,05	72	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
25	Nguyễn Phú	Lộc	20003402	20C1-TĐH1	8,05	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
26	Phạm Chí	Tâm	20003522	20C1-CNÔ8	8,04	72	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
27	Lê Đăng	Khoa	20003273	20C1-TKĐ1	8,02	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
28	Nguyễn Văn	Đạt	20004058	20C1-KML1	8,01	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
29	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	20003817	20C1-KTD1	8,00	78	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
30	Trần Thị Như	Quỳnh	20005858	20C1-KTD1	8,00	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
31	Nguyễn Văn	Nam	20004328	20C1-ĐĐT1	7,68	100	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
32	Đỗ Quỳnh	Trang	20005042	20C1-ĐHĐ1	7,78	95	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
33	Nguyễn Thanh	Đô	20003605	20C1-CNÔ9	7,00	95	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
34	Lê Thành	Nhân	20003637	20C1-CNÔ9	7,57	94	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
35	Nguyễn Trường Nhựt	Tín	20000020	20C1-TKĐ1	7,38	94	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
36	Vũ Đức	Tùng	20003248	20C1-ĐCN1	7,38	92	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
37	Đỗ Tường	Hiếu	20001941	20C1-CNM1	7,92	91	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
38	Cao Anh	Duy	20003604	20C1-CNÔ9	7,74	91	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
39	Huỳnh Thế	Nguyên	20003466	20C1-ĐĐT1	7,98	90	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
40	Dương Ngọc	Ánh	20000522	20C1-CNM1	7,76	90	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
41	Nguyễn Thanh	Nhàn	20000061	20C1-ĐĐT1	7,70	90	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
42	Lê Gia	Vinh	20002703	20C1-NNA1	7,60	90	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
	Cộng =	**42**											**63.000.000**	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: *Sáu mươi ba triệu đồng*)

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
Lê Xuân Thiện	Nguyễn Kính	Phạm Hữu Lộc